

Số: 20/QĐ-TTNTH

Vĩnh Long, ngày 21 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận hoàn thành khóa học và cấp Chứng nhận Tiếng Anh tương đương cấp độ A2

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-SPKTVL-TTNN ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định điều kiện cấp giấy chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 và A2 và B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 06b/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 18/01/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc công nhận kết quả các loại chứng chỉ, chứng nhận Tin học, Ngoại ngữ;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng thi và các Ban trực thuộc Hội đồng thi, kỳ thi cấp Chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 khóa 14 và A2 khóa 16, tổ chức thi ngày 25 tháng 4 năm 2020;

Căn cứ bảng tổng hợp kết quả kỳ thi cấp chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A2 khóa 16 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Giấy đề nghị ngày 19/5/2020 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc cấp chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A1 khóa 14 và A2 khóa 16 và xét kết quả cấp chứng nhận Tiếng anh tương đương cấp độ A2 cho 01 thí sinh khóa 15;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách phòng đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 94 thí sinh kỳ thi cấp Chứng nhận tiếng anh tương đương cấp độ A2 khóa 16 hoàn thành khóa học và được cấp giấy Chứng nhận Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Ông trưởng, phó Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2

- Lưu: P.Đào tạo.



TS. Nguyễn Thanh Tùng

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ A2

(Kèm theo quyết định số: 30/QĐ-TTNNTH ngày 21 tháng 5 năm 2020)

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi				Điểm Tổng
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	
1	17014001	Nguyễn Thị Trường An	Nữ	11/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.5	8.0	7.5	3.5	22.5
2	18005001	Nguyễn Thị Quế Anh	Nữ	30/8/2000	Vĩnh Long	Kinh	5.5	8.5	5.5	4.0	23.5
3	16011005	Huỳnh Thị Ngọc Bích	Nữ	05/6/1998	Trà Vinh	Kinh	8.5	7.0	6.5	4.0	26.0
4	16005010	Ngô Thanh Bình	Nam	10/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	5.0	6.0	5.5	5.0	21.5
5	16008094	Lê Tuấn Cảnh	Nam	28/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	4.5	5.5	5.5	8.0	23.5
6	16011053	Nguyễn Ngọc Minh Chi	Nữ	09/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	7.5	7.0	8.0	4.0	26.5
7	16004006	Nguyễn Hoàng Mạnh Cường	Nam	23/7/1998	Trà Vinh	Kinh	3.5	8.0	5.5	3.0	20.0
8	17014006	Nguyễn Ngọc Phương Đan	Nữ	11/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	6.0	8.0	7.5	6.0	27.5
9	16008095	Lương Tuấn Đạt	Nam	03/6/1998	Trà Vinh	Kinh	7.5	4.5	6.5	7.5	26.0
10	18001045	Từ Hoàng Đức	Nam	13/12/2000	Vĩnh Long	Hoa	6.0	7.5	7.0	3.5	24.0
11	18005015	Trần Thị Thùy Dung	Nữ	13/9/2000	Vĩnh Long	Kinh	7.5	4.5	7.0	3.5	22.5
12	18010028	Nguyễn Khánh Duy	Nam	26/12/2000	Vĩnh Long	Kinh	8.0	6.0	7.5	7.5	29.0
13	17004047	Phạm Thanh Duy	Nam	10/10/1999	Vĩnh Long	Kinh	6.0	8.5	7.5	7.5	29.5
14	18005019	Huỳnh Thị Kim Duyên	Nữ	13/01/2000	Vĩnh Long	Kinh	6.5	8.0	8.5	7.5	30.5
15	16007008	Hồ Phương Em	Nam	15/7/1998	Cà Mau	Kinh	4.5	8.0	7.5	8.0	28.0
16	18010034	Lê Thanh Hải	Nam	24/3/1999	Đồng Tháp	Kinh	6.5	3.0	6.5	7.5	23.5
17	16005177	Nguyễn Trí Hải	Nam	29/5/1998	Đồng Tháp	Kinh	6.0	7.0	7.5	6.5	27.0
18	16008018	Nguyễn Phúc Hậu	Nam	09/4/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.5	6.5	6.0	7.0	23.0
19	16004104	Lê Minh Thế Hiền	Nam	28/7/1992	Vĩnh Long	Kinh	6.0	8.0	7.5	6.5	28.0
20	16005181	Mạc Dương Đình Hiền	Nam	01/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	6.5	4.5	5.5	5.0	21.5
21	17003055	Trần Lê Hiền	Nam	02/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	8.5	9.0	8.5	7.0	33.0
22	16001054	Phạm Lê Trọng Hiếu	Nam	18/10/1998	Đồng Tháp	Kinh	8.5	4.0	7.5	5.0	25.0
23	17014010	Thị Hoa	Nữ	08/01/1999	Kiên Giang	Khơ-Me	5.0	7.5	8.0	4.5	25.0
24	18010040	Phạm Huy Hòa	Nam	17/6/2000	Vĩnh Long	Kinh	5.0	6.0	6.5	7.0	24.5
25	16008022	Nguyễn Tấn Hòa	Nam	23/02/1998	Đồng Tháp	Kinh	7.5	3.0	7.5	5.0	23.0

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi				Điểm Tổng
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	
26	16004026	Lê Trần Huỳnh Hương	Nữ	25/7/1997	Vĩnh Long	Kinh	7.5	6.0	7.0	6.5	27.0
27	16004131	Phạm Phan Hường	Nữ	23/12/1997	Vĩnh Long	Kinh	6.0	5.5	6.0	7.5	25.0
28	16004028	Võ Bảo Đức Huy	Nam	02/6/1993	Đồng Tháp	Kinh	6.5	3.0	6.0	7.0	22.5
29	16001065	Dương Thanh Huy	Nam	08/01/1998	An Giang	Kinh	8.0	6.5	6.0	6.0	26.5
30	17004073	Nguyễn Hoàng Kha	Nam	05/8/1999	Đồng Tháp	Kinh	3.5	6.0	7.5	3.0	20.0
31	16001079	Nguyễn Đào Duy Khang	Nam	04/6/1998	Hậu Giang	Kinh	6.0	3.0	5.5	6.5	21.0
32	17010059	Võ Duy Khang	Nam	16/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	3.0	7.5	7.5	3.0	21.0
33	16001076	Lê Hoàng Khang	Nam	31/8/1997	Cần Thơ	Kinh	6.5	3.0	6.5	8.0	24.0
34	16001085	Trương Đình Khởi	Nam	09/4/1998	Cần Thơ	Kinh	8.5	7.0	5.0	7.0	27.5
35	18013025	Bùi Minh Khởi	Nam	30/12/2000	Cần Thơ	Kinh	5.5	5.0	4.5	6.5	21.5
36	16004107	Bùi Tấn Kiệt	Nam	16/02/1998	Đồng Tháp	Kinh	7.0	3.5	6.5	8.0	25.0
37	16004118	Trần Vĩ Kiệt	Nam	19/01/1998	Đồng Tháp	Kinh	5.5	5.0	7.5	7.5	25.5
38	16001089	Phan Võ Lâm	Nam	10/3/1998	An Giang	Kinh	6.5	8.5	8.5	7.5	31.0
39	17004089	Nguyễn Thị Tiểu Lan	Nữ	01/9/1999	Vĩnh Long	Kinh	5.5	6.0	7.0	6.0	24.5
40	17014014	Lê Thị Cẩm Linh	Nữ	16/01/1999	Vĩnh Long	Kinh	5.5	5.0	6.5	6.5	23.5
41	16001097	Trần Thành Lộc	Nam	20/01/1997	Đồng Tháp	Kinh	5.5	4.5	5.0	7.0	22.0
42	16004041	Nguyễn Công Lượng	Nam	23/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	5.0	8.5	8.5	7.5	29.5
43	15004059	Phạm Hoàng Minh	Nam	20/01/1997	Vĩnh Long	Kinh	3.5	5.5	6.5	5.0	20.5
44	18005057	Đinh Ngọc Kiều Ngân	Nữ	12/5/2000	Vĩnh Long	Kinh	7.5	6.5	5.0	6.0	25.0
45	18005055	Nguyễn Xuân Ngân	Nữ	04/01/2000	Vĩnh Long	Kinh	7.5	7.5	6.5	8.0	29.5
46	18005059	Trần Ngọc Tuyết Ngân	Nữ	05/10/2000	Vĩnh Long	Kinh	7.0	7.0	6.5	7.0	27.5
47	16004048	Phạm Tuyết Ngân	Nữ	18/02/1998	Trà Vinh	Kinh	5.0	7.5	4.5	5.0	22.0
48	16004045	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	27/02/1996	Vĩnh Long	Kinh	5.5	7.0	7.0	5.0	24.5
49	16008048	Bùi Thiện Ngoan	Nam	19/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	7.5	3.0	7.5	4.0	22.0
50	18010076	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	11/01/2000	Bến Tre	Kinh	7.0	4.5	5.5	3.0	20.0
51	17014018	Hồ Thúy Ngọc	Nữ	04/12/1999	Trà Vinh	Kinh	7.5	5.0	5.5	7.0	25.0
52	17010092	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	03/8/1999	Vĩnh Long	Kinh	6.5	7.5	8.5	8.0	30.5
53	18005068	Thái Phước Nguyên	Nam	20/5/2000	Đồng Tháp	Kinh	8.5	8.0	7.5	8.0	32.0

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi				Điểm Tổng
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	
54	18005069	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	15/11/2000	Vĩnh Long	Kinh	8.0	3.0	8.0	4.5	23.5
55	16004052	Trần Đức Nhã	Nam	07/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	6.0	6.0	6.0	4.5	22.5
56	16004057	Phan Trọng Nhân	Nam	19/5/1998	Cần Thơ	Kinh	4.0	3.5	6.5	6.0	20.0
57	16007014	Lê Trần Thanh Nhiên	Nam	15/7/1998	Bến Tre	Kinh	8.5	5.0	7.5	5.5	26.5
58	16001132	Cao Hữu Nhựt	Nam	25/01/1998	An Giang	Kinh	5.5	3.0	7.5	4.0	20.0
59	16004061	Nguyễn Tấn Phát	Nam	20/9/1998	Vĩnh Long	Kinh	8.0	3.0	7.0	8.0	26.0
60	16001135	Nguyễn Văn Phát	Nam	02/11/1996	Vĩnh Long	Kinh	7.5	3.0	7.5	5.0	23.0
61	15001133	Nguyễn Lê Thanh Phú	Nam	24/01/1997	Tiền Giang	Kinh	5.5	3.0	5.0	7.5	21.0
62	15003107	Huỳnh Minh Phú	Nam	14/9/1997	Bến Tre	Kinh	7.0	3.0	6.0	6.0	22.0
63	16004112	Thái Ngọc Phụng	Nữ	10/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	6.5	7.0	9.0	6.5	29.0
64	16004066	Đoàn Minh Phương	Nam	08/11/1998	Vĩnh Long	Kinh	5.5	3.0	5.5	7.5	21.5
65	15001142	Nguyễn Minh Quang	Nam	11/11/1997	Đồng Tháp	Kinh	4.5	3.5	6.5	6.0	20.5
66	15002025	Nguyễn Minh Sang	Nam	23/3/1996	Vĩnh Long	Kinh	7.5	4.5	7.0	5.5	24.5
67	16004114	Nguyễn Hoàng Tân	Nam	01/8/1998	Vĩnh Long	Kinh	8.0	6.0	8.0	7.0	29.0
68	16008066	Nguyễn Quốc Thái	Nam	25/3/1998	An Giang	Kinh	4.0	5.5	6.0	5.5	21.0
69	15001163	Trần Duy Thanh	Nam	04/8/1997	Vĩnh Long	Kinh	8.5	8.0	8.0	7.5	32.0
70	16001176	Võ Huỳnh Gia Thịnh	Nam	20/01/1998	Bến Tre	Kinh	4.5	8.5	7.5	4.5	25.0
71	16001182	Huỳnh Thị Cẩm Thu	Nữ	03/10/1998	Vĩnh Long	Kinh	6.0	7.0	7.5	7.0	27.5
72	16001184	Huỳnh Lê Minh Thuận	Nam	02/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	8.0	7.5	8.0	8.0	31.5
73	18001394	Trịnh Thị Phương Thùy	Nữ	26/3/2000	Vĩnh Long	Kinh	7.0	7.0	8.5	7.0	29.5
74	18004134	Lê Thị Mỹ Tiên	Nữ	30/6/2000	Vĩnh Long	Kinh	8.0	8.5	7.5	7.5	31.5
75	16004082	Châu Thành Tiến	Nam	28/7/1998	An Giang	Kinh	5.5	4.5	4.5	7.5	22.0
76	16005132	Lê Thị Tiên	Nữ	07/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	6.0	5.5	6.0	6.0	23.5
77	17014037	Võ Minh Tiên	Nam	13/02/1999	Vĩnh Long	Kinh	8.0	8.0	8.0	6.5	30.5
78	16004083	Nguyễn Chí Tinh	Nam	18/6/1998	Vĩnh Long	Kinh	7.0	7.0	7.5	7.5	29.0
79	18005111	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	26/4/2000	Vĩnh Long	Kinh	8.0	6.0	7.5	5.5	27.0
80	Giang viên	Trương Thị Trang	Nữ	20/4/1992	Bình Định	Kinh	7.5	9.0	7.5	8.0	32.0
81	16004087	Trần Minh Trí	Nam	26/12/1998	Vĩnh Long	Kinh	4.5	7.0	6.0	6.5	24.0

TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi				Điểm Tổng
							Nghe	Nói	Đọc	Viết	
82	16004116	Trần Cao Trí	Nam	30/3/1998	Vĩnh Long	Kinh	5.5	5.0	5.5	8.0	24.0
83	16008107	Huỳnh Văn Nhật Trường	Nam	01/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	5.0	4.5	5.5	6.0	21.0
84	16003068	Nguyễn Thanh Tự	Nam	21/7/1998	Vĩnh Long	Kinh	3.0	5.0	7.5	4.5	20.0
85	16005153	Đỗ Vĩnh Tuấn	Nam	29/6/1998	Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	8.0	6.5	8.0	6.5	29.0
86	16001201	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	08/01/1998	Vĩnh Long	Kinh	8.0	6.5	7.5	6.5	28.5
87	15001213	Võ Kiệt Tường	Nam	21/11/1997	Vĩnh Long	Kinh	4.5	5.5	7.0	7.0	24.0
88	16001208	Huỳnh Hữu Văn	Nam	17/5/1998	Vĩnh Long	Kinh	5.5	7.5	7.5	6.0	26.5
89	15008104	Nguyễn Hà Xuân Vàng	Nam	10/4/1997	Vĩnh Long	Kinh	6.0	5.0	7.5	6.0	24.5
90	16001210	Lê Phong Viên	Nam	28/4/1998	An Giang	Kinh	6.0	6.0	7.5	6.0	25.5
91	15001216	Đoàn Thanh Vinh	Nam	24/9/1997	Vĩnh Long	Kinh	5.5	3.5	7.0	7.0	23.0
92	16001213	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	15/5/1998	Đồng Tháp	Kinh	7.0	3.5	7.0	6.0	23.5
93	18010141	Phạm Thị Cẩm Xuyên	Nữ	30/9/2000	Vĩnh Long	Kinh	6.0	6.0	7.0	6.5	25.5
94	17005143	Hồ Thị Tuyết Nhi	Nữ	26/7/1999	Cần Thơ	Kinh	3.0	7.0	3.5	6.5	20.0

P. GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thanh Tùng